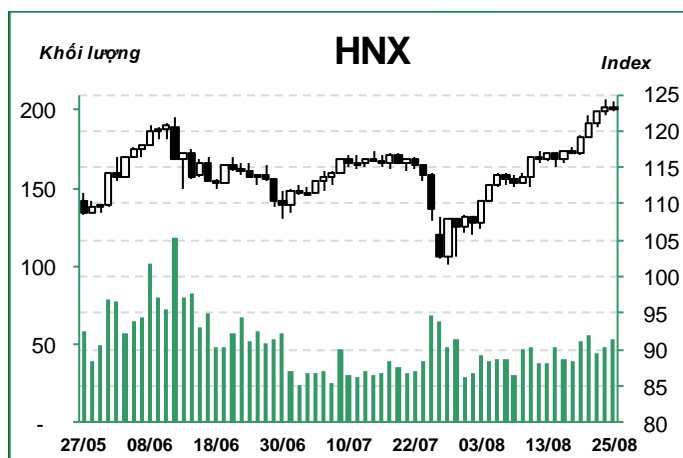
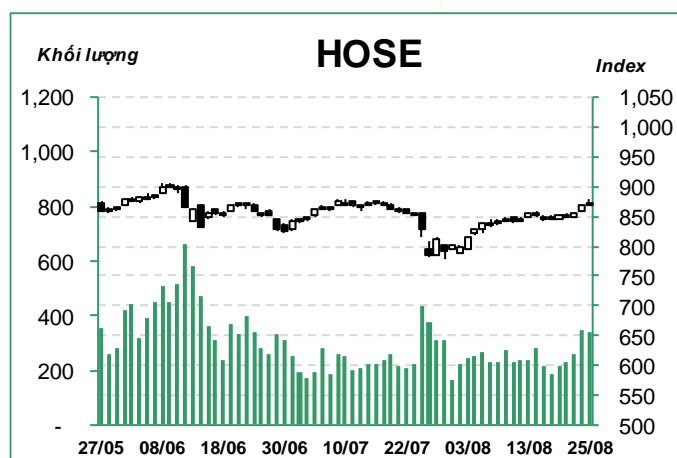


Tổng quan thị trường

25/08/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	874.12	0.63%	815.18	0.68%	123.37	0.17%
Cuối tuần trước	854.78	2.26%	793.60	2.72%	122.64	0.60%
Trung bình 20 ngày	844.03	3.57%	780.46	4.45%	116.31	6.07%
Tổng KLGD (triệu cp)	399.07	4.60%	119.60	4.96%	57.75	-6.40%
KLGD khớp lệnh	342.45	-0.95%	107.20	4.60%	52.59	9.46%
Trung bình 20 ngày	250.31	36.81%	71.14	50.68%	43.29	21.48%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	7,549.64	13.60%	3,354.50	11.37%	663.13	-15.91%
GTGD khớp lệnh	5,985.62	4.45%	3,017.23	13.27%	604.60	1.94%
Trung bình 20 ngày	4,034.73	48.35%	1,815.39	66.20%	483.71	24.99%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	209	45%	16	53%	89	25%
Số mã giảm	179	38%	8	27%	81	23%
Số mã đứng giá	77	17%	6	20%	186	52%



Giao dịch thỏa thuận

VN-Index có phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp với sự sôi động của dòng tiền, đặc biệt là dòng tiền ở các nhóm cổ phiếu trụ. Thông tin tích cực từ việc thị trường Mỹ tiếp tục lập đỉnh giúp cho tâm lý nhà đầu tư ngày càng lạc quan về đà tăng điểm của thị trường trong nước. Mặc dù vậy, sức ép từ dòng vốn ngoại vẫn đang hiện hữu khi liên tục bán ròng mạnh những ngày vừa qua.

Trên sàn HoSE, VN-Index chốt phiên tăng 5.44 điểm lên mức 874.12 điểm (+0.63%). Thanh khoản duy trì ở mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 342.4 triệu cổ phiếu (-0.9%), tương đương 5,986 tỷ đồng giá trị (+4.5%). Độ rộng thị trường vẫn đang nghiêng về bên mua, tuy nhiên số mã tăng giảm không còn chênh lệch nhiều như phiên hôm qua với 209 mã tăng so với 179 mã giảm.

Vingroup-VIC (+2.2%) tiếp tục là cổ phiếu kéo điểm chính cho VN-Index hôm nay. Theo sau là những cổ phiếu trụ khác như Petrolimex-PLX (+3.9%), Sabeco-SAB (+1.9%), hay Thế giới di động-MWG (+4.2%). Ngoài ra, một vài cổ phiếu mid cap cũng hút dòng tiền khá mạnh khi tăng trần kèm thanh khoản tăng vọt như Đất Xanh-DXG (+6.8%), Thủ Đức House-TDH (+6.9%), Bảo hiểm Bảo Minh-BMI (+6.8%) hay Hóa chất Đức Giang-DGC (+6.9%). Ở chiều ngược lại, Vinhomes-VHM (-0.5%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.7%), Hòa Phát-HPG (-1.0%), BIDV-BID (-0.4%) là những cổ phiếu giảm điểm do áp lực chốt lời.

Khối ngoại vẫn tiếp tục tăng cường bán ròng trên sàn HoSE, với giá trị 485.5 tỷ đồng (+17.0%). Trong đó, Vinhomes-VHM (-168.1 tỷ) đứng đầu trong danh sách bán ròng của khối ngoại, tiếp đến là Vinamilk-VNM (-68.0 tỷ) và Hòa Phát-HPG (-57.3 tỷ). Trái lại, khối ngoại

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TPB	14,000.0	300.75
VHM	920.0	69.73
GMD	2,931.8	66.90
SBT	3,990.0	59.84
NHH	840.0	45.78
GTN	2,000.0	45.20
EIB	1,800.0	30.60
FPT	600.0	29.40
VPB	1,280.0	28.15
GEX	1,100.0	23.94
HNX		
SHB	2,600.0	35.62
SHS	800.0	9.04
TIG	1,371.0	8.24
VC3	176.0	2.82
DHP	148.3	1.29
S99	56.2	1.00
VCS	6.0	0.35
NTP	6.3	0.17

mua ròng các cổ phiếu Khoáng sản Bình Dương-KSB (+5.2 tỷ), Sacombank-STB (+5.0 tỷ) và Đất Xanh-DXG (+4.7 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, đà tăng của chỉ số tiếp tục bị thu hẹp dần và đóng cửa tăng nhẹ tại mức 123.37 điểm (+0.17%). KLGĐ khớp lệnh đạt 52.6 triệu cổ phiếu (+9.5%), tương đương 604.6 tỷ đồng giá trị (+1.9%).

Trong đó, Vinaconex-VCG (+1.3%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.5%), Cảng Đà Nẵng-CDN (+4.2%) và Tập đoàn CEO-CEO (+5.6%) là những cổ phiếu đóng góp chính cho đà tăng điểm của HNX-Index. Ngược lại, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-3.6%), Ngân hàng SHB-SHB (-0.7%), Khí Miền Nam-PGS (-7.6%) có diễn biến giảm điểm tiêu cực.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn Hà Nội với giá trị 1.1 tỷ đồng (-84.0%). Với Vinaconex-VCG (-2.0 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.9 tỷ), Ngân hàng SHB-SHB (-0.6 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.8 tỷ), Vicostone-VCS (+1.4 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.3 tỷ) là những cổ phiếu được khối này tập trung mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền gia nhập tích cực. Thêm vào đó, xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, khi chỉ số vượt qua sức ép từ MA200, cùng với chòm MA5,10,20 giữ trạng thái phân kỳ dương, cho tín hiệu củng cố xu hướng hiện tại. Bên cạnh đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên duy trì tín hiệu lạc quan, cho thấy chỉ số có cơ hội tiếp tục đi lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu 880-900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên phiên thứ năm liên tiếp và chòm MA 5, 10, 20 cũng trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, chỉ số có cơ hội hướng lên vùng mục tiêu 127.4 điểm (Fib 127.2) trong những phiên tới. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi và có cơ hội tiến lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
JVC	4.3	1,200.1	7.0%
DHM	7.8	21.2	7.0%
CIG	2.0	7.9	7.0%
L10	14.6	2.0	7.0%
PXI	3.5	284.9	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LAF	9.2	0.4	-7.0%
PNC	9.3	0.3	-6.9%
DAT	51.9	0.3	-6.8%
TTE	15.1	0.3	-6.8%
QBS	2.5	474.4	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCH	21.0	298.5	2.9%
HPG	24.6	265.1	-1.0%
GEX	22.2	235.7	4.5%
MBB	18.1	223.6	1.4%
VNM	117.3	198.6	0.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	1.7	18,087.6	0.0%
TCH	21.0	14,623.6	2.9%
MBB	18.1	12,351.8	1.4%
GEX	22.2	10,794.9	4.5%
HPG	24.6	10,722.5	-1.0%

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BII	0.8	556.9	14.3%
FID	1.0	0.1	11.1%
SCI	51.7	153.5	10.0%
VTL	15.4	0.3	10.0%
LIG	4.5	133.0	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	185.2	-14.3%
SJ1	19.8	0.3	-10.0%
NHC	27.6	0.1	-9.8%
PCE	12.2	0.5	-9.6%
VC1	8.5	0.2	-9.6%

Top 5 giá trị

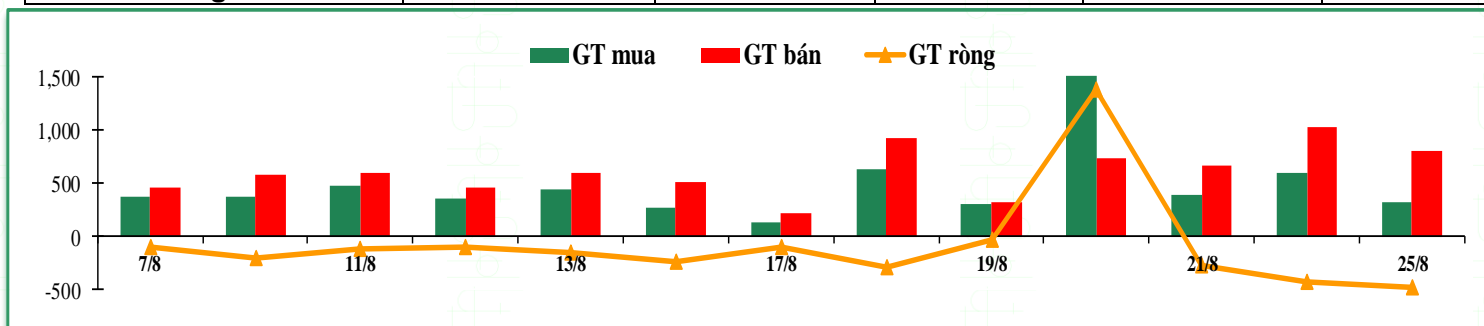
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	164.1	0.5%
PVS	12.4	47.1	0.0%
SHB	13.6	44.7	-0.7%
CEO	7.5	34.7	5.6%
SHS	11.3	32.2	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	7,801.1	0.5%
CEO	7.5	4,673.3	5.6%
HUT	2.4	3,890.3	0.0%
PVS	12.4	3,786.4	0.0%
SHB	13.6	3,263.8	-0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	319.9	5.3%	805.4	13.5%	-485.5
HNX	5.7	0.9%	6.8	1.1%	-1.1
Tổng số	325.6		812.2		-486.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	83.9	47.6	0.0%
VNM	117.3	38.9	0.7%
FPT	48.9	29.3	0.8%
VIC	91.0	27.3	2.3%
GMD	23.0	25.3	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	79.6	180.1	-0.5%
VNM	117.3	106.9	0.7%
VCB	83.9	94.1	0.0%
HPG	24.6	68.6	-1.0%
VRE	27.0	42.7	0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
KSB	28.1	5.2	-0.9%
STB	11.3	5.0	-0.4%
DXG	10.2	4.7	6.8%
GEX	22.2	3.7	4.5%
VIC	91.0	3.5	2.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.3	2.8	0.0%
VCS	65.2	1.4	0.3%
WCS	200.0	0.3	0.0%
BVS	10.1	0.2	0.0%
PVB	17.4	0.2	3.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCG	32.4	2.0	1.3%
PVS	12.4	1.9	0.0%
SHB	13.6	0.6	-0.7%
SDT	4.6	0.5	7.0%
TTZ	5.0	0.4	4.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.3	2.8	0.0%
VCS	65.2	1.4	0.3%
WCS	200.0	0.3	0.0%
PVB	17.4	0.2	3.6%
SD6	3.0	0.1	7.1%

Tin trong nước

Bộ Tài chính lấy ý kiến giao dịch bán khống chứng khoán

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến dự thảo Thông tư hướng dẫn giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm được niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, thay thế cho Thông tư số 203/2015/TT-BTC. Dự thảo Thông tư này đưa ra định nghĩa cũng như các quy định cho giao dịch bán khống có bảo đảm.

Theo đó, đây là là giao dịch bán chứng khoán đã vay trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Người bán sau đó có nghĩa vụ mua lại số chứng khoán đó để hoàn trả khoản đã vay.

Tài khoản giao dịch bán khống có bảo đảm là tài khoản riêng biệt hoặc được hạch toán dưới hình thức tiểu khoản. Các chứng khoán được phép giao dịch bán khống có bảo đảm là cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán và đáp ứng các tiêu chí về thời gian niêm yết, đăng ký giao dịch; về quy mô vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành; về tính thanh khoản và biến động giá (nếu có); minh bạch thông tin và các tiêu chí khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán. Trên cơ sở tiêu chí do Ủy ban Chứng khoán quy định, Sở giao dịch chứng khoán công bố danh sách chứng khoán được giao dịch bán khống có bảo đảm hoặc chứng khoán không được giao dịch bán khống có bảo đảm.

Cổ phiếu UPCOM sắp được giao dịch ký quỹ?

Theo dự thảo thông tư hướng dẫn giao dịch mới được Bộ Tài chính công bố, Chứng khoán được giao dịch ký quỹ là cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán và đáp ứng các tiêu chí về thời gian niêm yết, đăng ký giao dịch; về quy mô vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành; về tính thanh khoản và biến động giá (nếu có); minh bạch thông tin và các tiêu chí khác theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo dự thảo trên, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán cũng có thể được giao dịch ký quỹ, điều này đồng nghĩa với khả năng các cổ phiếu sàn UPCOM có thể được cấp margin trong thời gian tới.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinamilk chốt danh sách cổ đông phát hành 348 triệu cổ phiếu thường

Vinamilk (HoSE: VNM) thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/9 để thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20% và tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 tỷ lệ 20% bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/9.

Công ty sẽ phát hành 348,3 triệu cổ phiếu thường (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 2 cổ phiếu thưởng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Sau phát hành, vốn điều lệ công ty tăng lên 20.900 tỷ đồng. Ngày thanh toán cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 2.000 đồng/cổ phiếu dự kiến 15/10.

Tại thời điểm cuối quý II, công ty sữa có 9.937 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 2.773 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển.

Nửa đầu năm, mặc dù dịch bệnh Covid-19 bùng phát ảnh hưởng nặng nề nền kinh tế, Vinamilk vẫn ghi nhận doanh thu tăng 6,7% đạt 29.648 tỷ đồng. Trong đó, đà tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường nội địa với mức tăng doanh thu 7,7% nhờ hợp nhất kết quả kinh doanh của GTN Foods (Mộc Châu Milk), trong khi xuất khẩu chỉ tăng 1%.

Tuy nhiên, giá vốn tăng 8,8%, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 8,4% đã khiến lợi nhuận sau thuế công ty còn tăng 2,8% đạt 5.861 tỷ đồng.

Trường Thành Group sắp niêm yết HoSE, giá tham chiếu 18.000 đồng/cp

Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (Trường Thành Group), mã TTA. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 135 triệu đơn vị, tương đương 1.350 tỷ đồng vốn điều lệ.

Theo bản cáo bạch, HĐQT căn cứ vào phương pháp định giá P/E và P/B, quyết định mức giá tham chiếu dự kiến là 18.000 đồng. Biên độ dao động giá ngày đầu tiên là 20% so với giá tham chiếu. Trước đó, doanh nghiệp đã trải qua 5 lần tăng vốn.

Trường Thành Group hoạt động đầu tư các dự án năng lượng tái tạo. Năm 2008 công ty đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 với tổng mức đầu tư hơn 1.500 tỷ đồng tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Đến tháng 1/2015, nhà máy đi vào hoạt động với công suất 48 MW.

Hai cổ đông Nhật Bản muốn bán toàn bộ 25% vốn JVC

DI Asia Industrial Fund (DIAF) thông báo đăng ký bán toàn bộ gần 21,8 triệu cổ phiếu Thiết bị Y tế Việt Nhật (HoSE: JVC), tương đương 19,35% vốn từ 27/8 đến 25/9 để cơ cấu danh mục. Người nội bộ là Chủ tịch HĐQT Kyohei Hosono.

Cùng thời gian đó, Dream Incubator Inc. (DI Inc.), tổ chức cũng có liên quan đến ông Hosono đăng ký bán toàn bộ gần 6,6 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 5,85% vốn. DIAIF là quỹ đầu tư do 2 doanh nghiệp Nhật Bản là Dream Incubator và Orix Corporation thành lập. Như vậy, tổng khối lượng của 2 tổ chức này muốn bán là 28,35 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 25,2%.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DHC	Chốt lời	26/08/20	45.25	41.6	8.8%	52.1	25.2%	40.3	-3.1%	Xu hướng suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	SAB	Quan sát mua	26/08/20	186.5	210	Phiên tăng vol tăng trở lại trên trung bình 10 phiên khi đang tích lũy + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout
2	PHR	Quan sát mua	26/08/20	58.1	62.5	Các phiên điều chỉnh tích cực với vol giảm dần, khả năng sớm tăng trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 57-57.5
3	PPC	Quan sát mua	26/08/20	24.05	25 26.2	Nến điều chỉnh tích cực với vol thấp sau nến break ngưỡng kháng cự 23.8 -> khả năng sớm tăng trở lại
4	VGI	Quan sát mua	26/08/20	27.5	29-29.5 31.5	Nến điều chỉnh tích cực với vol thấp sau nến break MA50 cũng như trendline -> khả năng sớm tăng trở lại
5	PVS	Quan sát mua	26/08/20	12.4	14	Nến đỏ ko quá tiêu cực với thân nến nhỏ, vol giảm và MACD Histogram vẫn tăng điểm -> cơ hội break vùng tích lũy vẫn còn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VHC	Nắm giữ	05/08/20	39.05	35.55	9.8%	40.7	14.5%	34	-4%	
2	BFC	Nắm giữ	07/08/20	15.45	12.2	26.6%	16.4	34.4%	11.8	-3%	
3	HPG	Mua	10/08/20	24.55	24.2	1.4%	26.6	10%	23.2	-4%	
4	PAC	Mua	13/08/20	23	23.6	-2.5%	25.9	10%	22.3	-6%	
5	SAB	Mua	14/08/20	186.5	183	1.9%	206	13%	177	-3%	
6	FMC	Mua	18/08/20	28.35	27.7	2.3%	32.3	17%	26.7	-4%	
7	PVT	Mua	18/08/20	10.9	10.8	0.9%	12	11%	10.4	-4%	
8	DGC	Nắm giữ	20/08/20	38.65	33.45	15.5%	43.5	30%	31.8	-5%	Nâng giá mục tiêu lên 43.5 ngàn
9	VCB	Mua	21/08/20	83.9	83	1.1%	90	8%	81.7	-2%	
10	DMC	Mua	24/08/20	53.9	52.3	3.1%	58	11%	50.3	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 25/08/2020						Thông tin chứng quyền						
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,580	5.3 %	3%	14,574	113	81,700	556	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,350	3.7 %	42%	2,027	76	48,850	814	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,700	3.0 %	13%	4,328	65	48,850	1,107	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,520	0 %	-10%	18,392	59	48,850	1,113	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,400	2.2 %	-7%	2,873	142	48,850	3,340	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	700	6.1 %	-35%	173	41	28,200	267	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,290	4.1 %	5%	27,693	44	28,200	1,795	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,100	-1.8 %	429%	1,512	37	24,550	5,608	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,090	-1.9 %	173%	7,923	22	24,550	1,285	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	4,070	-2.4 %	-1%	12,712	97	24,550	98	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,950	-3.0 %	147%	4,816	65	24,550	1,106	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,070	-1.8 %	0%	2,263	146	24,550	731	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,250	-0.7 %	5%	4,125	98	24,550	1,314	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,220	-0.8 %	0%	8,776	237	24,550	1,621	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,580	-1.8 %	-2%	5,569	188	24,550	1,133	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,620	-4.0 %	19%	1,966	142	24,550	6,034	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,600	14.3 %	-20%	3,496	76	18,050	543	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	520	15.6 %	-74%	340	62	18,050	11	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,230	10.8 %	12%	31,991	65	18,050	827	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,470	9.7 %	5%	3,225	142	18,050	6,410	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	600	-6.3 %	-74%	20,965	113	53,600	8	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2002	2,000	110	-15.4 %	-95%	86,519	22	53,600	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2004	1,980	210	-8.7 %	-89%	8,544	10	53,600	0	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	520	0 %	-75%	14,175	65	53,600	6	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,280	-0.8 %	-33%	5,410	142	53,600	8,385	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,300	33.0 %	-8%	1,810	37	87,600	74	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	190	-5.0 %	-91%	773	62	87,600	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	8,450	20.9 %	-34%	5,843	97	87,600	3,946	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	880	23.9 %	-32%	28,819	63	87,600	395	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,230	24.2 %	-23%	102,037	59	87,600	781	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,280	2.4 %	-9%	23,300	142	87,600	7,601	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	2,500	33.0 %	9%	1	113	62,900	136	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,590	-3.4 %	30%	1,790	197	62,900	975	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	770	14.9 %	-68%	2,693	37	59,700	0	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	200	0 %	-90%	1,265	62	59,700	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	540	12.5 %	-46%	31,704	65	59,700	140	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	890	11.3 %	-11%	19,681	142	59,700	5,405	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,500	11.9 %	50%	8,487	65	36,850	1,402	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,630	9.1 %	68%	11,651	59	36,850	2,498	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,780	12.0 %	37%	1,421	142	36,850	8,685	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	210	0 %	-79%	7,301	113	2,250	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	600	-3.2 %	-79%	69	113	14,750	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,220	-1.6 %	-28%	25,119	113	11,250	11,040	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	670	-9.5 %	-51%	24,957	22	11,250	6,480	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,250	0.8 %	-11%	33,197	97	11,250	608	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	540	-3.6 %	-50%	665	70	11,250	63	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	940	-1.1 %	-37%	1,251	223	11,250	242	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	360	5.9 %	-82%	4,150	62	21,300	1	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,790	8.5 %	-40%	8,810	97	21,300	517	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2006	1,200	1,940	4.9 %	62%	19,836	65	21,300	1,699	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,700	6.3 %	0%	2,800	142	21,300	10,210	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,130	-3.4 %	-64%	12,569	113	79,600	45	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	9,210	-4.2 %	-20%	5,010	97	79,600	4,672	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,330	-0.8 %	33%	21,517	65	79,600	1,000	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	470	-4.1 %	-68%	1,575	41	79,600	1	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,180	7.3 %	-16%	6,638	142	79,600	7,725	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	290	45.0 %	-88%	4,221	113	99,500	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	390	-2.5 %	-79%	2,001	65	99,500	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	150	0 %	-91%	23	41	99,500	0	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2003	1,450	2,450	0.8 %	69%	18,386	10	117,300	2,338	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020
CVNM2004	17,500	11,660	3.5 %	-33%	1,355	97	117,300	3,673	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	1,990	4.2 %	33%	11,261	65	117,300	1,486	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	400	8.1 %	-74%	5,412	41	117,300	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,280	0 %	-47%	2,394	197	117,300	167	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	1,620	0 %	-10%	6,582	142	117,300	11,500	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,810	-4.7 %	-47%	5,688	97	23,000	595	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,140	-5.8 %	-33%	95,230	65	23,000	486	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,810	-2.2 %	1%	5,095	142	23,000	11,349	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	400	0 %	-87%	17,080	113	26,950	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,240	-0.9 %	-44%	743	97	26,950	724	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,250	1.6 %	14%	7,294	65	26,950	1,019	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	610	-6.2 %	-60%	55,352	223	26,950	153	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,080	-2.7 %	-10%	165	142	26,950	6,677	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
MSN (New)	HOSE	53,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG (New)	HOSE	24,550	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG (New)	HOSE	106,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	108,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	23,000	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	57,100	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	30,400	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	59,700	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	42,000	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	15,250	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
DGW	HOSE	49,000	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
SBT	HOSE	14,750	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
TCM	HOSE	22,300	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-
VGI	UPCOM	27,500	28,300	10/07/2020	499	387	9,298	2%	1%	73.2	3.1	0%
SAB	HOSE	186,500	157,000	04/07/2020	4,799	7,094	32,249	23%	19%	22.1	4.9	35%
VJC	HOSE	99,500	84,630	01/07/2020	83	153	33,994	0%	0%	553.1	2.5	0%
ANV	HOSE	16,950	19,728	25/06/2020	315	2,474	21,175	12%	8%	8.0	0.9	10%
PVD	HOSE	10,700	10,500	23/06/2020	68	163	33,029	0%	0%	64.4	0.3	0%
MPC	UPCOM	27,500	32,600	12/06/2020	482	2,449	26,670	9%	5%	12.3	1.1	50%
PLX	HOSE	50,400	50,160	09/06/2020	2,166	1,674	18,941	9%	4%	30.0	2.7	20%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phs.vn